

| | | | |
|---------------------------|-------------------|--------------|--------------|
| Ngày 31/03/2024 | 57,100 VNĐ | | |
| Thay đổi | 1 tháng | 3 tháng | 6 tháng |
| | -1.4% | 13.7% | -1.4% |

| | | |
|------------|--------------|---------------------------|
| | 2023 | |
| ROE | 22.2% | +/- YoY ▲ 16.8% |

| | | | |
|-----------------|------------|--|--|
| | Q1/24 | | |
| DT thuần | 340 | QoQ ▲ 51.0 ▲ 17.5% | YoY ▲ 77.0 ▲ 29.1% |
| | tỷ VNĐ | | |

| | | |
|-----------------|--------------|---------------------------------------|
| | 2023 | |
| DT thuần | 1,100 | YoY ▲ 496 ▲ 82.2% |
| | tỷ VNĐ | |

| | | | |
|---------------|------------|--|--|
| | Q1/24 | | |
| LN gộp | 206 | QoQ ▲ 36.0 ▲ 21.4% | YoY ▲ 57.0 ▲ 38.5% |
| | tỷ VNĐ | | |

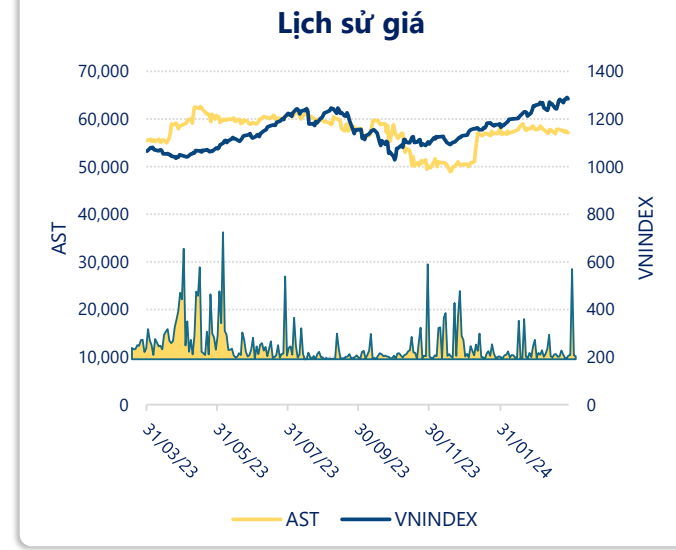
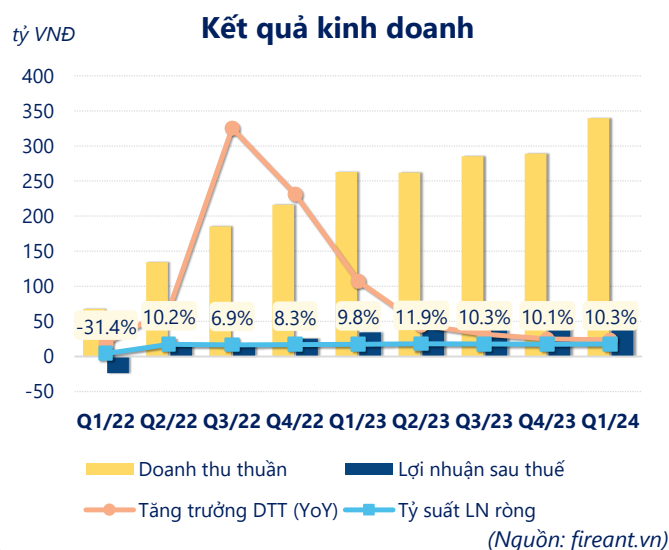
| | | |
|---------------|------------|--------------------------------------|
| | 2023 | |
| LN gộp | 639 | YoY ▲ 320 ▲ 100% |
| | tỷ VNĐ | |

| | | | |
|-----------------|-------------|--|--|
| | Q1/24 | | |
| LN thuần | 60.5 | QoQ ▲ 12.0 ▲ 24.7% | YoY ▲ 22.7 ▲ 60.0% |
| | tỷ VNĐ | | |

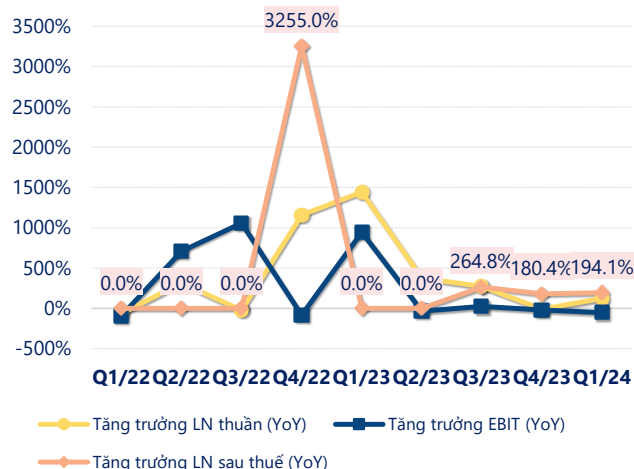
| | | |
|-----------------|------------|--------------------------------------|
| | 2023 | |
| LN thuần | 170 | YoY ▲ 133 ▲ 363% |
| | tỷ VNĐ | |

| | | | |
|--------------------|-------------|--|--|
| | Q1/24 | | |
| LN sau thuế | 50.1 | QoQ ▲ 10.1 ▲ 25.2% | YoY ▲ 15.8 ▲ 46.1% |
| | tỷ VNĐ | | |

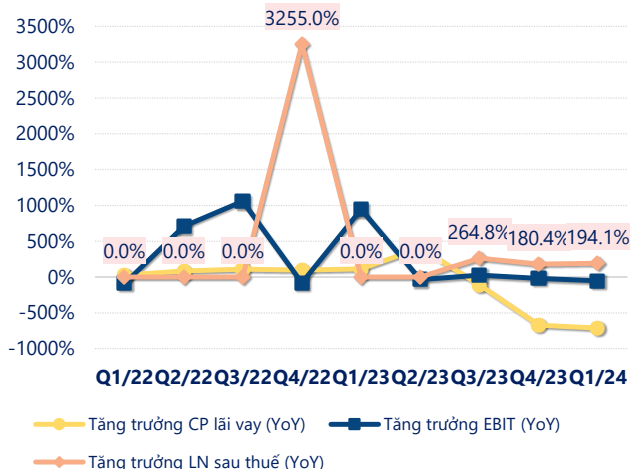
| | | |
|--------------------|------------|--------------------------------------|
| | 2023 | |
| LN sau thuế | 151 | YoY ▲ 117 ▲ 346% |
| | tỷ VNĐ | |



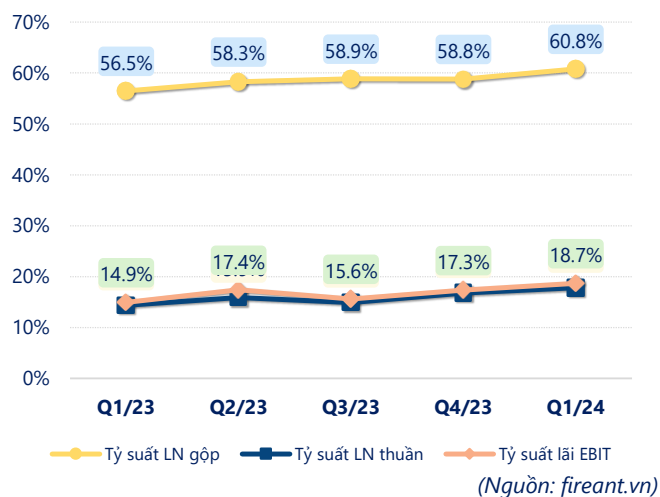
Tăng trưởng lợi nhuận



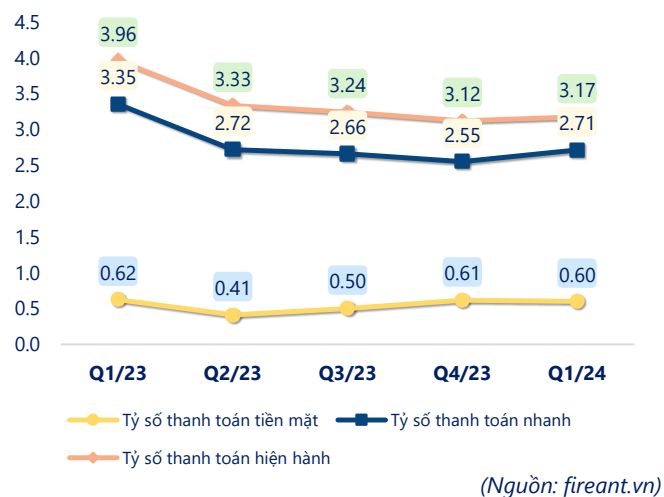
Tăng trưởng chi phí



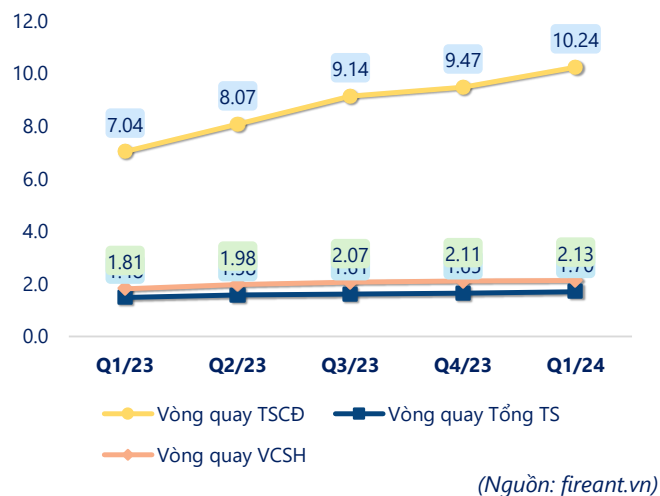
Tỷ suất lợi nhuận



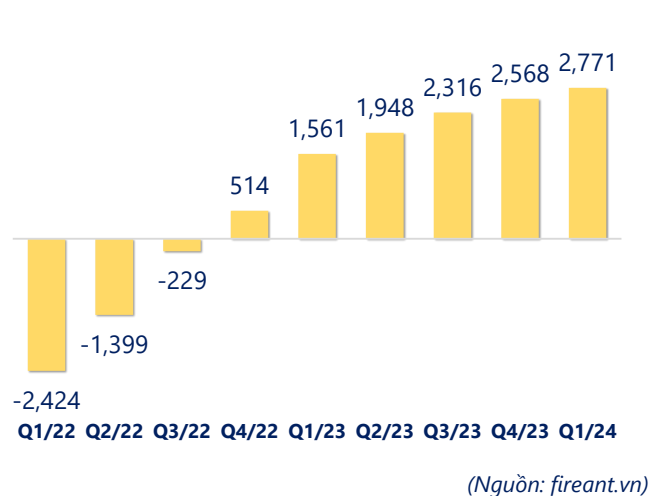
Chỉ số thanh khoản



Vòng quay tài sản



EPS



| KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ) | Q1/24 | Q1/23 | Thay đổi YoY | 2023 | 2022 | Thay đổi YoY |
|--------------------------------|--------------|-------------|-----------------|--------------|--------------|-----------------|
| Doanh thu thuần | 340 | 263 | 29.1% | 1,100 | 604 | 82.2% |
| Giá vốn hàng bán | 133 | 115 | 15.7% | 460 | 284 | 62.0% |
| Lợi nhuận gộp | 206 | 149 | 38.5% | 639 | 319 | 100% |
| Doanh thu HĐTC | 4.82 | 3.58 | 34.6% | 17.1 | 9.88 | 73.5% |
| Chi phí TC | 1.88 | 1.67 | 12.7% | 4.52 | 3.93 | 15.0% |
| Chi phí lãi vay | 0.45 | 0.58 | -21.6% | 1.89 | 3.12 | -39.5% |
| LN trong công ty LKLD | -2.45 | 0.40 | -712% | 0.15 | -3.44 | 104% |
| Chi phí bán hàng | 98.2 | 72.8 | 35.0% | 314 | 164 | 91.6% |
| Chi phí QLDN | 48.2 | 40.3 | 19.6% | 168 | 121 | 38.4% |
| LN thuần từ HĐKD | 60.5 | 37.8 | 60.0% | 170 | 36.8 | 363% |
| Lợi nhuận khác | 2.46 | 0.93 | 165% | 7.21 | 2.38 | 203% |
| LN trước thuế | 62.9 | 38.7 | 62.6% | 178 | 39.2 | 353% |
| Lợi nhuận sau thuế | 50.1 | 34.3 | 46.1% | 151 | 33.8 | 346% |
| LNST của CĐ cty mẹ | 34.9 | 25.8 | 35.4% | 116 | 23.1 | 399% |

(Nguồn: fireant.vn)

